

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2021/HC-ST**

Ngày: 15 - 6 - 2021

*V/v: Khiếu kiện quyết định
giải quyết khiếu nại trong
lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Văn Trinh.

2/ Bà Lê Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 và ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 96/2019/TLST-HC ngày 26/8/2019, về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HC ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Bá L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 08/10/2019).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P;

Địa chỉ: thị trấn H, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Bùi Đắc Đ - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện P.

(Theo Văn bản số 1716/UBND-NC ngày 03/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh B - Chủ tịch UBND xã

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

3.2/ Ông Nguyễn Bá Q, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

3.3/ Bà Nguyễn Thị Bá L, sinh năm 1957

3.4/ Bà Nguyễn Thị Bá N, sinh năm 1963

3.5/ Bà Nguyễn Thị Bá T, sinh năm 1966 (chết ngày 02/02/2021)

3.6/ Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá Q, bà Nguyễn Thị Bá L, bà Nguyễn Thị Bá N, ông Nguyễn Bá L: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận. *(Theo Giấy ủy quyền ngày 08/10/2019).*

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Bá T: Bà Nguyễn Thị Tiểu Th, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tiểu Th: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận *(Theo Giấy ủy quyền ngày 11/3/2021).*

Tại phiên tòa: Vắng mặt người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (có Văn bản số 1716/UBND-NC ngày 03/6/2021 về việc đề nghị xét xử vắng mặt); Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện và những người tham gia tố tụng khác đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc diện tích 5.371m² đất tọa lạc tại Trại lưới, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận của cha mẹ bà Nguyễn Thị Bá L là ông Nguyễn Bá Tr và bà Nguyễn

Thị T được giao để canh tác sản xuất theo diện Nhà nước giao đất sản xuất cho hộ gia đình chính sách. Sau khi cha mẹ bà L qua đời, diện tích đất trên được anh chị em bà L tiếp tục quản lý và sử dụng cho đến nay. Hiện nay, trên đất có khoảng 60 cây dừa do gia đình bà L trồng và 01 căn nhà tole tạm cất trên đất vào năm 2013.

Ngày 02/01/2018, gia đình bà L gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã T xin cấp quyền sử dụng đối với diện tích 5.371,5m² đất tọa lạc tại Trại lưới, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 18/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành Công văn số 128/CV-UBND trả lời không đồng ý cấp quyền sử dụng đất cho gia đình bà L. Bà L có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T yêu cầu hủy Công văn số 128/CV-UBND ngày 18/9/2018 và chấp nhận việc cấp quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên cho gia đình bà L.

Ngày 12/11/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L lần đầu với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của bà L.

Ngày 16/11/2018, bà Nguyễn Thị Bá L tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện P đề nghị hủy Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện P giải quyết cấp quyền sử dụng đất cho gia đình bà L.

Ngày 18/02/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND về việc hủy bỏ toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 155/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Ngày 28/3/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T tiếp tục ban hành Quyết định số 33/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L lần đầu với nội dung không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của bà L. Không đồng ý với quyết định trên, ngày 05/4/2019 bà Nguyễn Thị Bá L gửi đơn khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Ngày 11/6/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 2602/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L lần hai với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị Bá L và công nhận Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/03/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là đúng pháp luật.

Ngày 15/12/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 5388/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 và ban hành Quyết định số 5389/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L lần hai với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại lần

hai của bà Nguyễn Thị Bá L và công nhận Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/03/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là đúng pháp luật.

Ngày 31/12/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 5761/QĐ-UBND đính chính Quyết định số 5388/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 2620/QĐ-UBND thay lại là thu hồi Quyết định số 2602/QĐ-UBND vì sai sót do lỗi đánh máy.

Bà Nguyễn Thị Bá L cho rằng việc ban hành các Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002, Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 11/6/2019, Quyết định số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/03/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là trái pháp luật và xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình bà.

Do vậy, bà Nguyễn Thị Bá L khởi kiện yêu cầu Tòa án: hủy các Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002, Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 11/6/2019, Quyết định số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và hủy Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/03/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T; Buộc Ủy ban nhân dân huyện P thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Nguyễn Thị Bá L đối với diện tích 5.371m² đất tọa lạc tại Trại lưới, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

Diện tích 5.371m² đất tọa lạc tại Trại lưới, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002 về việc giải quyết tranh chấp đất đai của bà Nguyễn Thị T (mẹ bà Nguyễn Thị Bá L) có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân xã T cấp cho cha, mẹ bà L là ông Nguyễn Bá Trục và bà Nguyễn Thị T vào năm 1976 để canh tác nhưng ông Trục, bà T đã không canh tác sản xuất từ năm 1979 cho đến khi ông Nguyễn Tuấn H canh tác diện tích đất trên thì xảy ra tranh chấp với bà Nguyễn Thị T.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002 về việc giải quyết tranh chấp đất đai của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tuấn H với nội dung “*Thu hồi thửa đất có diện tích 4.851m² tại khu vực Trại Lưới, xã T do ông Nguyễn Tuấn H đang sử dụng và giao cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý*”. Kể từ đó không thấy bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Tuấn H khiếu nại hoặc tái tranh chấp.

Vào năm 2007, ông Nguyễn Tuấn H có đơn xin cấp quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã T xét cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất có vị trí tại khu vực Trại Lưới, xã T cho ông Nguyễn Tuấn H và ông H đã chuyển nhượng lại cho ông Sầm Mãnh T ngụ tại thành phố Hồ Chí Minh. Việc chuyển nhượng này được cơ quan Điều tra kết luận trái quy định của pháp luật. Do đó, ngày 07/5/2010, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 866/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Sầm Mãnh T, đồng thời xử lý hành chính cán bộ, công chức vi phạm.

Năm 2009 và 2010 gia đình bà Nguyễn Thị Bá L có đơn xin công nhận quyền sử dụng đối với diện tích 5.371m² đất tại khu vực Trại Lưới, xã T nhưng Ủy ban nhân dân xã T trả lời không chấp thuận, tuy nhiên gia đình bà Nguyễn Thị Bá L cũng không thắc mắc hay có khiếu nại gì.

Theo hồ sơ địa chính, thời điểm đo đạc Bản đồ 299 (đo đạc vào năm 1994) và Bản đồ đo đạc theo đề án 920 (đo đạc vào năm 2009, nghiệm thu vào năm 2010) thì diện tích đất trên không quy chủ cho gia đình bà Nguyễn Thị Bá L mà thuộc đất do Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Phần diện tích 5.371m² đất mà bà L khiếu nại nằm trong khu vực đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Đô thị du lịch cổ Thạch - Bình Thạnh năm 2006 (giai đoạn 2005-2025) và được phê duyệt điều chỉnh năm 2011 và 2016.

Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L là quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung không chấp thuận đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L và công nhận Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/03/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là đúng pháp luật, đồng thời xác định gia đình bà Nguyễn Thị Bá L không đủ điều kiện để được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích 5.371m² đất theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 và quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013. Vì phần diện tích 5.371m² đất mà bà Nguyễn Thị Bá L khiếu nại đã được Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi giao cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý (theo Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P), diện tích đất này nằm trong khu vực đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận phê duyệt quy hoạch chung xây dựng khu Đô thị du lịch cổ Thạch - Bình Thạnh năm 2006 (giai đoạn 2005-2025) và được phê duyệt điều chỉnh năm 2011 và 2016.

Tại cuộc đối thoại giữa Ủy ban nhân dân huyện P và bà Nguyễn Thị Bá L vào ngày 05/6/2019, bà L không đưa ra được những cơ sở để chứng minh quá trình

quản lý sử dụng diện tích 5.371m² đất liên tục ổn định từ khi gia đình bà L được Ủy ban nhân dân xã T cấp đất cho đến nay cũng như các yêu cầu khiếu nại theo như nội dung đơn của bà L đã trình bày.

Ngày 15/12/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 5388/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 11/6/2019, đồng thời ban hành Quyết định số 5389/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L lần hai có nội dung không chấp thuận đơn khiếu nại lần hai của bà L.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bá L về việc hủy quyết định thu hồi đất, hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần hai và buộc công nhận quyền sử dụng diện tích 5.371m² đất cho gia đình bà L thì Ủy ban nhân dân huyện P không chấp nhận vì nội dung yêu cầu khởi kiện trên là không có cơ sở và không có căn cứ pháp lý để giải quyết.

Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002, Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 và Quyết định số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Luật đất đai và Luật khiếu nại, nội dung của các quyết định trên phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

Với nguồn gốc và quá trình sử dụng đất như đã nêu thì việc bà Nguyễn Thị Bá L khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện P công nhận quyền sử dụng đối với diện tích 5.371m² đất tọa lạc tại Trại lưới, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận cho gia đình bà L là không có cơ sở chấp nhận.

Do vậy, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P cho rằng yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bá L là không có căn cứ và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bá L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T do người đại diện hợp pháp là ông Phạm Thanh B trình bày:

Nguồn gốc diện tích 5.371m² đất tọa lạc tại Trại lưới, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận do Ủy ban nhân dân xã T cấp cho cha, mẹ bà Nguyễn Thị Bá L là ông Nguyễn Bá Tr và bà Nguyễn Thị T vào năm 1976 để canh tác nhưng ông Tr, bà T đã không canh tác sản xuất từ năm 1979 cho đến khi ông Nguyễn Tuấn H canh tác diện tích đất trên thì xảy ra tranh chấp với bà Nguyễn Thị T.

Ngày 02/01/2018, gia đình bà L gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã T xin cấp quyền sử dụng đối với diện tích 5.371m² đất tọa lạc tại Trại lưới, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 18/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành Công văn số 128/CV-UBND trả lời không đồng ý cấp quyền sử dụng đất cho gia đình bà L. Bà L đã có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T yêu cầu hủy Công văn số 128/CV-UBND ngày 18/9/2018 và chấp nhận việc cấp quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên cho gia đình bà L.

Ngày 12/11/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L lần đầu về lĩnh vực đất đai với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của bà L.

Ngày 16/11/2018, bà L tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện P đề nghị hủy Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L lần đầu và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện P giải quyết cấp quyền sử dụng đất cho gia đình bà L.

Ngày 18/02/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND về việc hủy bỏ toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 155/QĐ-UBND ngày 12/11/2018.

Ngày 28/3/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành Quyết định số 33/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L lần đầu với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của bà L.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bá L thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T không chấp nhận vì nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là không có cơ sở và không có căn cứ pháp lý để giải quyết.

Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L lần đầu được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại, nội dung của quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật về đất đai.

Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T cho rằng yêu cầu khởi kiện của bà L là không có căn cứ và đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bá L về yêu cầu hủy Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá Quý, bà Nguyễn Thị Bá Lại, bà Nguyễn Thị Bá Nga, ông Nguyễn Bá Linh, bà Nguyễn Thị Tiểu Thịnh do người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Nguồn gốc diện tích 5.371m² đất tọa lạc tại Trại lưới, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận mà bà Nguyễn Thị Bá L khởi kiện của cha mẹ là ông Nguyễn Bá Trực và bà Nguyễn Thị T được giao để canh tác sản xuất theo diện Nhà nước giao đất sản xuất cho hộ gia đình chính sách. Sau khi cha mẹ các ông bà qua đời, diện tích đất trên được các anh chị em tiếp tục quản lý và sử dụng cho đến nay. Hiện nay, trên đất có khoảng 60 cây dừa do gia đình ông bà trồng và 01 căn nhà tole tạm cất trên đất vào năm 2013.

Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bá L, các ông bà thống nhất đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại nhưng đối thoại không thành.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Bá L và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung các yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bá L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bá L về yêu cầu hủy Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết và đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các bên đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 7, Điều 32; Điều 116; điểm c khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bá L:

+ Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P;

+ Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T;

+ Hủy Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

- Buộc người bị kiện thực hiện nhiệm vụ, công vụ giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L theo đúng quy định của pháp luật.

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bá L về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2602/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P vì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đã thu hồi Quyết định này đúng quy định của pháp luật.

- Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bá L được chấp nhận một phần nên người bị kiện phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Bá L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T; hủy các Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002, Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 11/6/2019, Quyết định số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Xét thấy các quyết định trên có nội dung điều chỉnh các hoạt động trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 11/6/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 2602/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L lần hai có nội dung giữ nguyên Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Không đồng ý với các quyết định này, ngày 29/7/2019 bà L có đơn khởi kiện và đơn bổ sung khởi kiện ngày 20/8/2019.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Bá L nộp đơn khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P vắng mặt nhưng có Văn bản số 1716/UBND-NC ngày

03/6/2021 về việc đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự khác chấp nhận về sự vắng mặt trên và yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 157 của Luật tổ tụng hành chính vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt.

[4] Về phạm vi khởi kiện, phạm vi yêu cầu: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Bá L yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2602/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. Do đó, xác định đây là vụ án “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai” và người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Sau khi thụ lý giải quyết và quá trình đối thoại tại Tòa án, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đã bổ sung thay đổi ban hành Quyết định số 5388/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 có nội dung thu hồi Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 11/6/2019, đồng thời ban hành Quyết định số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 có nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị Bá L và công nhận Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là đúng pháp luật. Do đó, xác định Quyết định số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P là quyết định bị kiện.

Các quyết định khác là quyết định có liên quan, gồm: Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, Quyết định số 5388/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 và Quyết định số 5761/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc đính chính Quyết định số 5388/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 nội dung đính chính là thu hồi Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 11/6/2019.

Ngoài ra, trong đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Bá L còn yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích 5.371m² đất tọa lạc tại Trại lưới, xã T, huyện P cho gia đình bà L. Tại buổi công khai đối thoại của Tòa án và tại phiên Tòa, bà Nguyễn Thị Bá L xác nhận chỉ nộp đơn yêu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, ngoài ra bà L không nộp tài liệu nào khác.

Yêu cầu thực hiện hành vi của bà Nguyễn Thị Bá L không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục tổ tụng hành chính nên Tòa án không thụ lý giải quyết nên Tòa án chỉ xác định tranh chấp trong vụ án là “Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

[5] Xét yêu cầu của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5.1] Nguồn gốc đất được người bị kiện xác nhận thông tin vợ chồng cụ Nguyễn Bá Tr, sinh năm 1920 và cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1928 (là cha, mẹ của bà Nguyễn Thị Bá L) có con hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ nên Ủy ban nhân dân xã T thực hiện chính sách giao đất cho gia đình liệt sỹ canh tác vào năm 1976, gia đình ông Tr được giao 01 thửa đất có diện tích khoảng 2.000m² tọa lạc tại khu vực có tục danh “Trại Lưới” ven biển, thuộc xóm 3, xã T, huyện P. Tại thời điểm được giao đất, canh tác một thời gian đến năm 1979 vì điều kiện sản xuất khó khăn, ông Tr bệnh nặng trong khi các con còn nhỏ nên gia đình ông Tr, bà T không còn canh tác trên đất.

Thấy đất của gia đình ông Nguyễn Bá Tr để hoang nên ông Nguyễn Tuấn H làm đơn ghi ngày 26/6/1982 gửi Ủy ban nhân dân xã T xin nhận canh tác phần đất của gia đình cụ Tr đang để hoang và ông H có trách nhiệm hoàn lại tiền công khai hoang cho gia đình ông Tr, đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T là thống nhất với nguyện vọng của ông H. Sau đó ông H trực tiếp gặp ông Tr đặt vấn đề nhận chuyển nhượng đất và được ông Tr đồng ý. Do ông H đi học quân sự nên để cho cha vợ là ông Lê Văn H đứng tên trong giấy chuyển nhượng đất.

Ngày 30/01/1983, ông Nguyễn Bá Tr ký giấy nhượng đất rẫy cho ông Lê Văn H với giá 49.000 đồng (tương đương 01 chỉ vàng), thửa đất có kích thước (70 X 50) mét, diện tích 3.500m² (tăng 1.500m² so với diện tích đất ông Tr được Ủy ban nhân dân xã T giao) tọa lạc tại khu vực có tục danh “Trại Lưới” thuộc xóm 3, xã T, huyện P.

Ông H sử dụng diện tích đất nêu trên đến khoảng tháng 4/1987 thì bị tai nạn và do thời tiết khô hạn nên không canh tác. Năm 1989 ông H chuyển về huyện B sinh sống và giao đất cho cha vợ là ông Lê Văn H quản lý sử dụng nhưng do thời tiết khô hạn nên không canh tác được. Khoảng năm 1999, chính quyền địa phương mở đường đi liên xã T - C và con đường này đi ngang qua phần đất mà ông H nhận chuyển nhượng từ ông Tr.

Ngày 01/12/2000, ông Tr có đơn gửi Ủy ban nhân dân xã T xin lấy lại thửa đất đã chuyển nhượng cho ông H với lý do đất ông H bỏ hoang không canh tác nhiều năm nên dẫn đến tranh chấp giữa các bên.

Ngày 07/12/2000, Ủy ban nhân dân xã T tổ chức H giải và công nhận ông H được tiếp tục sử dụng diện tích đất nêu trên. Đối với gia đình ông Tr nếu có nhu cầu đất canh tác thì làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã T để được xem xét giải quyết cấp mảnh đất khác.

Khoảng tháng 7/2001, ông Nguyễn Tuấn H thuê xe san ủi diện tích đất nói

trên và trồng cây, lúc này diện tích đất theo hiện trạng ông H quản lý canh tác là 4.851m² (kết quả đo đạc của Phòng địa chính lập ngày 29/7/2002), tăng thêm 1.351m² so với diện tích đất nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Bá Tr.

Sau khi ông Nguyễn Bá Tr chết vào ngày 20/7/2001, bà Nguyễn Thị T (vợ ông Tr) tiếp tục có đơn khiếu nại ghi ngày 29/3/2002 và ngày 10/6/2002 với nội dung “... chồng tôi (ông Tr) chỉ cho ông H canh tác tạm thời để giữ đất cho đến khi các con lớn thì lấy lại đất, ...nay gia đình lấy lại đất thì ông H không trả...”. Ủy ban nhân dân xã T tổ chức H giải vào ngày 07/6/2002, công nhận việc sử dụng đất của ông Nguyễn Tuấn H là phù hợp quy định của Luật đất đai nhưng bà T không đồng ý và tiếp tục khiếu nại.

Quá trình giải quyết khiếu nại ngày 20/9/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa cụ Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Tuấn H có nội dung “*chấp thuận ý kiến bà Nguyễn Thị T về việc rút đơn tranh chấp với ông Nguyễn Tuấn H được ghi tại biên bản làm việc ngày 15/8/2002 giữa Phòng địa chính và bà Nguyễn Thị T...*”.

Ngày 22/6/2009, bà Nguyễn Thị T chết. Ngày 19/11/2009, ông Nguyễn Bá L (con trai của ông Tr và bà T) có đơn gửi Ủy ban nhân dân xã T xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.500m² là đất có nguồn gốc Nhà nước giao cho cụ Nguyễn Bá Tr vào năm 1976.

Ngày 05/02/2010, Ủy ban nhân dân xã T có Văn bản số 06/UBND trả lời cho ông Nguyễn Bá L biết diện tích đất mà ông xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đã bị thu hồi theo Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. Ngoài ra, vị trí đất nói trên nằm trong Quy hoạch chung xây dựng Đô thị du lịch Cổ Thạch - T, huyện P giai đoạn 2005 - 2025 theo Quyết định phê duyệt số 2772/QĐ-UBND ngày 07/11/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Ngày 02/01/2018 và ngày 28/5/2018, bà Nguyễn Thị Bá L gửi đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã T xét tính pháp lý về nguồn gốc đất để đăng ký cấp giấy quyền sử dụng đối với diện tích đất 5.371m² tại khu vực Trại Lưới, xã T, huyện P cho gia đình bà.

Ngày 18/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành Công văn số 182 trả lời đơn cho bà L có nội dung “*không chấp nhận đơn kiến nghị UBND xã T xét cấp giấy quyền sử dụng đất của bà L*”. Không đồng ý với trả lời này nên bà L có đơn khiếu nại. Đến ngày 12/11/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND giải quyết đối với khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá

L. Tuy nhiên, việc ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 có sai sót nên bị hủy bỏ theo Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Ngày 28/3/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T ban hành Quyết định số 33/QĐ-UBND có nội dung: không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T xét công nhận cho gia đình bà L được quyền sử dụng diện tích đất 5.371 m² tại khu vực Trại Lưới, xã T, huyện P.

[5.2] Ngày 05/4/2019, bà Nguyễn Thị Bá L khiếu nại Quyết định khiếu nại lần đầu số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Ngày 11/6/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2602/QĐ-UBND có nội dung công nhận Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là đúng pháp luật và không chấp nhận việc bà Nguyễn Thị Bá L yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất 5.371 m² tại khu vực Trại Lưới, xã T, huyện P cho gia đình bà L.

[6] Xét về thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định bị kiện và các quyết định có liên quan:

[6.1] Đối với Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa cụ Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Tuấn H có nội dung *“Điều 1: chấp thuận ý kiến bà Nguyễn Thị T về việc rút đơn tranh chấp với ông Nguyễn Tuấn H được ghi tại biên bản làm việc ngày 15/8/2002 giữa Phòng địa chính và bà Nguyễn Thị T.... thu hồi thửa đất của ông Nguyễn Tuấn H đang sử dụng giao phần diện đất trên cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý”*.

Về tính hợp pháp của Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. Tại Điều 1 của Quyết định này ghi *“thu hồi thửa đất có diện tích 4.851m²... do ông Nguyễn Tuấn H đang sử dụng giao cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý”* là không đúng thẩm quyền giao đất, bởi vì việc thu hồi đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 24, Điều 28 Luật đất đai 1993(sửa, đổi năm 1998, 2001). Lẽ ra Quyết định phải ghi giao cho cơ quan chuyên môn tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thu hồi diện tích đất của ông Nguyễn Tuấn H, không được công nhận quyền sử dụng đất mới đúng quy định của Luật đất đai.

Ngoài ra, nội dung Quyết định này ghi *“chấp thuận ý kiến bà Nguyễn Thị T về việc rút đơn tranh chấp với ông Nguyễn Tuấn H được ghi tại biên bản làm việc ngày 15/8/2002 giữa Phòng địa chính và bà Nguyễn Thị T”*. Tuy nhiên, hồ sơ giải

quyết khiếu nại do người bị kiện cung cấp và tại phiên tòa người bị kiện không có tài liệu chứng minh việc bà T rút đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với ông H và biên bản làm việc ghi nội dung trên vào ngày 15/8/2002. Trong khi đó, diện tích đất tranh chấp giữa bà T với ông H là đất cấp cho gia đình ông Nguyễn Bá Tr nên phát sinh quyền lợi của các con bà T và ông Trục, trong đó có bà Nguyễn Thị Bá L là cần phải xem xét

Như vậy, Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P không đúng về nội dung, việc thu hồi đất không đúng thẩm quyền có liên quan đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị Bá L trong việc kê khai đăng ký đối với diện tích đất tranh chấp với ông Nguyễn Tuấn H nên cần hủy Quyết định này để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[6.2] Đối với Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T:

Tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất quy định:

“... 2.a...b...c) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày; xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công khai và gửi hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai.

3. Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện các công việc như sau:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai thì gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã để lấy ý kiến xác nhận và công khai kết quả theo quy định tại Khoản 2 Điều này....”

Tại khoản 2 Điều 11a Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc từ chối hồ sơ đề nghị đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định *“Trường hợp có căn cứ từ chối hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải có văn bản trong đó nêu rõ lý do từ chối và hướng dẫn người nộp hồ sơ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, gửi văn bản kèm theo hồ sơ cho người nộp hoặc chuyển văn bản và hồ sơ đến bộ phận một cửa, Ủy ban nhân dân cấp xã để trả lại cho người nộp.”*

Tại điểm c khoản 2 Điều 2 Quyết định số 73/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai; cơ chế phối hợp và thời gian các bước thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, quy định việc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện như sau “*Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, cơ quan nhận hồ sơ có trách nhiệm trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do không đủ điều kiện giải quyết*”.

Như vậy, việc gia đình bà Nguyễn Thị Bá L yêu cầu xét công nhận cho gia đình bà L được quyền sử dụng diện tích đất 5.371m² tại khu vực Trại Lưới, xã T, huyện P đủ hay không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai P xác nhận. Trong trường hợp này, xét về nguồn gốc đất đang tranh chấp, đã có Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa cụ Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Tuấn H có nội dung “*thu hồi giao phần diện đất trên cho Ủy ban nhân dân xã T quản lý*”. Đáng lẽ ra, sau khi thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của mình nhận đơn yêu cầu thì Ủy ban nhân dân xã T phải chuyển toàn bộ hồ sơ của hộ bà Nguyễn Thị Bá L lên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai P để xác nhận đủ hay không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào đơn đăng ký của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Bá L. Trường hợp đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai P chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, còn nếu không đủ điều kiện thì chuyển hồ sơ về để Ủy ban nhân dân xã T trả lại cho hộ bà Nguyễn Thị Bá L.

Ủy ban nhân dân xã T không chuyển toàn bộ hồ sơ của hộ bà Nguyễn Thị Bá L lên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai P mà lại ban hành Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 giải quyết đối với khiếu nại của bà L, sau khi thu hồi Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T lại ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T căn cứ vào Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P làm căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 có nội dung không công nhận việc bà Nguyễn Thị Bá L kiến nghị cấp giấy quyền sử dụng đất mà Quyết định số 846/2002/QĐ/CTUB-TP ngày 20/9/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành không đúng quy định pháp luật đất đai. Nay bà Nguyễn Thị Bá L yêu cầu hủy Quyết định giải quyết

kiếu nại lần đầu số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là có căn cứ.

[6.3] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2602/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P:

Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 ban hành giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung: “*Công nhận quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T là đúng pháp luật; không chấp nhận việc bà Nguyễn Thị Bá L yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đối với 5.371m² đất*”. Việc ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T như phân tích tại mục [6.2] không đúng quy định pháp luật đất đai nên bà Nguyễn Thị Bá L yêu cầu hủy Quyết định 2602/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P là có căn cứ.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đã sửa đổi bổ sung và ban hành Quyết định số 5388/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 nội dung thu hồi Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 11/6/2019, đồng thời ban hành Quyết định số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung vẫn giữ nguyên Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Xét thấy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 5388/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 về việc thu hồi Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 và ban hành Quyết định số 5761/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 đính chính do sai sót lỗi đánh máy từ Quyết định số 2620 thành Quyết định số 2602. Các quyết định trên ban hành là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính.

Xét Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2602/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đã bị thu hồi và được thay thế bởi Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 nhưng tại phiên đối thoại và tại phiên Tòa thì người khởi kiện bà Nguyễn Thị Bá L không thay đổi yêu cầu khởi kiện mà vẫn yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 2602/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P là không có căn cứ nên cần bác yêu cầu này của bà Nguyễn Thị Bá L.

[6.4] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P:

Theo khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính quy định “*Người bị kiện có quyền sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định hành chính bị khởi kiện*”, tuy nhiên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P lại ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 đối với khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L là không đúng quy định pháp luật, bởi bà L khởi kiện và Tòa án đã thụ lý giải quyết nên đã chấm dứt việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Hơn nữa, nội dung của Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T không đúng quy định pháp luật như phân tích tại mục [6.2] nhưng Quyết định giải quyết khiếu nại số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P lại bác khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bá L và giữ nguyên Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Do đó, Quyết định số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P cũng không đúng pháp luật.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị Bá L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P là có căn cứ.

[7] Ngoài ra, trong đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Bá L còn yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và buộc Ủy ban nhân dân huyện P thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà L đối với diện tích 5.371m² đất tọa lạc tại Trại lưới, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận theo quy định của pháp luật. Yêu cầu này của bà Nguyễn Thị Bá L không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục tố tụng hành chính, bởi vì hậu quả của các quyết định giải quyết khiếu nại hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai có vi phạm, đã bị Tòa án hủy bỏ thì trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ công vụ giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân phải thực hiện sau khi Tòa án hủy bỏ.

[8] Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bá L nên người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Bá L được chấp nhận một phần nên người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Điều 17, Điều 18, Điều 31, Điều 40 và Điều 42 Luật khiếu nại;

Điều 204 Luật Đất đai;

Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất;

Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bá L:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 5389/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 33/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

- Hủy Quyết định số 846/QĐ-CTUBTP ngày 20/9/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bá L về yêu cầu hủy Quyết định số 2602/QĐ-UBND ngày 11/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Về chi phí tố tụng :

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Bá L đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Bá L số tiền 2.950.000 đồng (hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Bá L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Bá L số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Bá L đã nộp tại Biên lai số 0027446 ngày 20/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án .

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: HSVA; Tòa HC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Lê Thị Thanh Thái